

Výsledková listina MVK Praha 14.12.2013

* 3	HP	58	V1	136	CAGCIB	209	CAC
4	V1	59	V2	137	V2	210	CAGCIB
* 5	V1	* 60	V1 BIV	* 138	V1	* 213	V1
6	V1	62	V1	139	V1 BIV	* 214	CAGCIB
* 7	CAGCIB	* 63	I	141	CAC	215	CAGCIB
8	CAGCIB	64	II	143	CAC	217	CAC BIV
9	V1	* 65	CAPS	146	PH	218	V1
10	CACIB	66	CAC	* 148	CAGCIB BIV	* 219	CAGCIB
* 12	CAC	67	V1 BIV	153	V1	* 220	CAGCIB
13	CAC	68	V1	154	V2	* 221	CAP
14	V1	69	V1	155	V1	* 223	V1
15	V1	70	V1	156	V1	* 224	CAPS
* 16	V1	* 71	I	157	V2	* 225	V1
* 17	V1	72	CACS	158	CAGCIB	* 227	CAC
* 19	V1	74	CAPIB	159	CAGCIB	* 229	V1
20	CACS	76	CAC	160	V1 BIV	230	CAGCIB
21	CAGCIB	79	CAGCIB	161	CAC	* 231	CAP
* 23	CAGCIB	81	V2	* 163	CAP	* 232	V1
25	CAP	83	CAGCIB	165	V1	* 233	I
26	ABS	* 84	CAC BIV	* 167	V1	* 234	T
27	EP	* 85	CAP	169	CAGCIB	* 235	HP
28	CAC BIV	87	CAGCIB	* 172	CAP	236	V1
29	V2	88	PH BIV	173	CAGCIB	240	CAC
30	V1	89	V1	174	CAC	241	V2
31	CACS	90	ABS	177	CACS	* 242	I
32	V2	* 92	V1	178	CACS	* 243	CAP
* 33	CAC BIV	* 93	I	* 181	CAP		
34	CAC	* 95	CAP	* 182	V1		
* 35	V1 BIV	97	CAGCIB	184	CACS		
36	V2	* 98	V1	185	CAC		
37	V1	99	CAC	187	V1		
38	CAGCIB	103	V1	189	CAC		
* 39	CAGCIB BIV	104	ABS	190	V1		
42	V2	* 106	CACS	191	I		
43	CAC	* 110	CAGCIB	* 192	CAGCIB		
44	V3	111	CAC	193	V1		
45	CAP	* 114	CAC	* 194	CAC		
* 46	V1 BIV	* 115	CAP	195	CAGCIB		
47	V2	119	V1	196	CAC		
48	V2	* 121	V1	* 197	I		
49	V1	122	CAGCIB	198	V1		
* 50	CAGCIB	126	CAC	200	CAGCIB		
* 51	V1	130	V1	201	CAC		
52	V3	131	V1	202	V1		
55	CAC	133	CAC	204	DISQUAL.		
56	V1	134	V1	206	CAGCIB		
57	V1	135	I	208	CAGCIB		

\* NOMINACE